

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng  
giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ  
địa phương trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ khoản 8, điều 10, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/ NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/ NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,*


**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày *26* tháng 01 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố thuộc tỉnh; các đơn vị quản lý đường bộ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Mùa A Sơn**



## **QUY ĐỊNH**

### **Ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND tỉnh Điện Biên)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Cơ quan quản lý đường bộ địa phương gồm:* Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. *Đường tỉnh:* Là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. *Đường huyện:* Là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

4. *Đường xã:* Là đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, bản và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

5. *Đường đô thị:* Là đường trong phạm vi danh giới địa chính nội thành, nội thị.

6. *Đường chuyên dùng:* Chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức cá nhân.

**Chương II**  
**SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG**  
**GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG**  
**ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG**

**Điều 4. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương**

Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương bao gồm: Phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, giới hạn trên không và giới hạn khoảng cách an toàn theo chiều ngang, phần dưới mặt đất; phần dưới mặt nước được áp dụng theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT) đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ GTVT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT).

**Điều 5. Sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương**

Sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương được áp dụng theo quy định tại các Điều 25, 26, 27, 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/ 02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Khoản 4, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của 11/2010/NĐ-CP ngày 24/ 02/2010.

**Điều 6. Đầu nối với đường bộ địa phương**

1. Đối với đường địa phương được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp phải tuân thủ theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải. Trường hợp phát sinh mới ngoài quy hoạch, trước khi đầu tư xây dựng phải có ý kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành về quy mô, cấp hạng và phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp giấy phép thi công trước khi triển khai xây dựng công trình.

2. Đường nhánh vào đường tỉnh (kể cả các tuyến được quy hoạch là đường tỉnh) bao gồm:

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị;

b) Đường chuyên dùng gồm: đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp;



c) Đường gom, đường nối từ đường gom;

d) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, đường nối trực tiếp từ các công trình đơn lẻ.

3. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh (kể cả các tuyến được quy hoạch là đường tỉnh):

a) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh nằm trong khu vực nội thành, nội thị được xác định theo quy hoạch giao thông đô thị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị:

Đối với các tuyến đường tỉnh không có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh, cụ thể như sau: đối với tuyến đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 5.000 mét, đối với đường cấp III không nhỏ hơn 1.500 mét, đối với đường cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1.000 mét.

Đối với các tuyến đường tỉnh có dải phân cách giữa, có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyển tốc (phương tiện qua nút giao chỉ rẽ phải), khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến dọc đường tỉnh, cụ thể như sau: đối với tuyến đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 2.000 mét, đường cấp III trở xuống không nhỏ hơn 1.000 mét;

c) Trường hợp khu vực có địa hình mà hành lang đường bộ bị chia cắt như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác khó khăn trong việc di dời; các công trình phục vụ an ninh, quốc phòng, công trình quan trọng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, khoảng cách giữa hai điểm đầu nối liền kề cùng phía phải được UBND tỉnh chấp thuận và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật sau:

Đảm bảo các yếu tố hình học tại vị trí đầu nối, tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành;

Đảm bảo điều kiện về an toàn giao thông, tổ chức giao thông phù hợp với điều kiện thực tế tại vị trí xây dựng.

4. Khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề cùng phía (tính từ điểm giữa cửa hàng) đầu nối đường dẫn ra, vào đường tỉnh phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối được quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này.

### **Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm**

Các hành vi bị nghiêm cấm đối với phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương được quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 8, Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

### **Chương III**

## **CHẤP THUẬN, CẤP PHÉP SỬ DỤNG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG**

### **Điều 8. Thẩm quyền chấp thuận, cấp phép**

1. Sở Giao thông vận tải chấp thuận, cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ của đường tỉnh và các tuyến đường khác do UBND tỉnh giao quản lý.

2. UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) chấp thuận, cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ của tuyến đường huyện, đường đô thị (trừ các tuyến đường do Sở Giao thông vận tải quản lý) trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý.

### **Điều 9. Chấp thuận, cấp phép xây dựng công trình thiết yếu**

1. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu: Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp phép để được xem xét giải quyết.

Hồ sơ đề nghị chấp thuận: Áp dụng theo quy định tại điểm 4, Khoản 6, Điều 1, Thông tư 35/2017/TT-BGTVT.

Trình tự, cách thức thực hiện: Áp dụng theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Thời hạn giải quyết: Theo quy định tại điểm 6, khoản 6 Điều 1, Thông tư 35/2017/TT-BGTVT.

2. Cấp phép xây dựng công trình thiết yếu: Trước khi triển khai xây dựng công trình, chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị được cấp phép xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết.

Hồ sơ đề nghị cấp phép: Áp dụng theo quy định tại điểm 2, Khoản 7, Điều 1, Thông tư 35/2017/TT-BGTVT.

Trình tự, cách thức thực hiện: Áp dụng theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Thời hạn giải quyết: Theo quy định tại điểm 4, khoản 7, Điều 1 Thông tư 35/2017/TT-BGTVT.

3. Chấp thuận xây dựng công trình cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu áp dụng đối với dự án sửa chữa công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường đang khai thác;



công trình đường dây tải điện, thông tin, viễn thông vượt phía trên đường bộ có cột nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng phải bảo đảm quy định về phạm vi bảo vệ trên không, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Hồ sơ đề nghị chấp thuận cùng thời điểm cấp phép thi công: Áp dụng theo quy định tại điểm 4, Khoản 6, Điều 1, Thông tư 35/2017/TT-BGTVT.

Trình tự, cách thức thực hiện: Áp dụng theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Thời hạn giải quyết: Theo quy định tại điểm 4, khoản 7, Điều 1, Thông tư 35/2017/TT-BGTVT.

Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ.

Chủ đầu tư công trình thiết yếu, chủ sử dụng, kinh doanh, khai thác cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp phép thi công mà không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm kinh phí liên quan; chịu trách nhiệm bảo trì công trình; việc bảo dưỡng thường xuyên công trình không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định.

#### **Điều 10. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ địa phương đang khai thác**

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 mét.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.



4. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng, thủ tục cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu.

**Điều 11. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương đang khai thác**

Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ dự án do UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp để được xem xét giải quyết.

Trước khi thi công cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình giao thông, Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình phải được cơ quan quản lý đường bộ cấp giấy phép thi công.

Hồ sơ đề nghị cấp phép: Áp dụng theo quy định tại Khoản 3, Điều 18, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Trình tự, cách thức thực hiện: Áp dụng theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Thời hạn giải quyết: Theo quy định tại khoản 5, Điều 18 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT.

**Điều 12. Chấp thuận và cấp phép thi công nút giao**

1. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào đường địa phương: Trước khi xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo nút giao; chủ công trình, dự án căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào đường bộ.

Hồ sơ đề nghị chấp thuận: Áp dụng theo quy định tại Khoản 3, Điều 26, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

Trình tự, cách thức thực hiện: Áp dụng theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Thời hạn giải quyết: Theo quy định tại khoản 5, Điều 26, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

2. Cấp phép thi công nút giao: Trước khi thi công nút giao, chủ đầu tư công trình gửi hồ sơ đề nghị được cấp phép xây dựng công trình nút giao đầu nối vào đường bộ đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết.

Hồ sơ đề nghị cấp phép: Áp dụng theo quy định tại Khoản 2, Điều 27, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.



Trình tự, cách thức thực hiện: Áp dụng theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Thời hạn giải quyết: Theo quy định tại khoản 4, Điều 27, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công tham gia nghiệm thu hoàn thành và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ; Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định.

3. Mẫu đơn đề nghị xin chấp thuận và cấp phép áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 1, 2, 3, 4 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu áp dụng mẫu theo quy định tại Phụ lục 1A, Thông tư 35/2017/TT-BGTVT và bổ sung căn cứ Quyết định này vào căn cứ pháp lý trong mẫu đơn đề nghị.

4. Mẫu giấy phép thi công áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 5, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và bổ sung căn cứ Quyết định này vào căn cứ pháp lý trong mẫu giấy phép thi công.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**

1. Chủ trì triển khai thực hiện Quy định này và hướng dẫn UBND cấp huyện chấp thuận, cấp phép thi công công trình thiết yếu, nút giao đấu nối và các xử lý vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

2. Hàng năm, chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố lập, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và các giải pháp xử lý triệt để vi phạm, giải toả hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường tỉnh do Sở GTVT được giao quản lý, bảo trì và báo cáo UBND tỉnh về kết quả và những khó khăn, vướng mắc để tiếp tục có biện pháp giải quyết.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của UBND cấp huyện**

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Không cấp phép xây dựng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; Chủ trì xử lý các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ.

5. Chủ trì giải tỏa các công trình ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương. Tổ chức thực hiện cưỡng chế để giải tỏa vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

### **Điều 15. Trách nhiệm của UBND cấp xã**

1. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

3. Phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ, tiếp nhận và quản lý bảo vệ mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng dự án theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan đơn vị và cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp và tham mưu đề xuất trình UBND tỉnh xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Mùa A Sơn**